

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 111/2018/DS-ST

Ngày: 04 – 9 – 2018

“V/v tranh chấp hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Trọng Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bảo Em – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 8 năm 2018 và ngày 04 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 516/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 560/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Văn Đ, sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường Tân Xuyên, thành phố P, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng Phương, địa chỉ cư trú: Số 32, Huỳnh Tấn Phát, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Hoàng Phương thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Văn Tr, sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường Tân Xuyên, thành phố P, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lương Kim N, sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường Tân Xuyên, thành phố P, tỉnh C.

+ Bà Đặng Thị Tuyết M, sinh năm: 1969 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường Tân Xuyên, thành phố P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, các đương sự trình bày quan điểm và yêu cầu như sau:

* Nguyên đơn – anh Võ Văn Đ trình bày: Nguồn gốc đất ông Tr và anh đang quản lý, sử dụng trước đây là của cha, mẹ anh khai phá, sau đó ông Võ Văn Tr và bà Đặng Thị Tuyết M kê khai, đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng anh không rõ năm nào. Đến ngày 04/4/2001 anh ruột của anh là Võ Văn Tr cắt chia cho anh phần đất 08 công lớn, tương đương 10.368m² tọa lạc tại khóm 5, phường Tân Xuyên, thành phố P. Khi cho đất, ông Tr có viết giấy tay cho anh, có mặt một số người lân cận chứng kiến. Từ khi ông Tr cho đất đến nay, anh là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này nhưng ông Tr không chịu tách sổ chủ quyền ra cho vợ, chồng anh.

Từ nội dung trên, anh yêu cầu Tòa án buộc ông Tr và bà M tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và thực hiện hành vi tách quyền sử dụng đất cho vợ, chồng anh đối với phần đất 08 công lớn mà vợ, chồng anh đã canh tác từ năm 2001 đến nay.

* Bị đơn – ông Võ Văn Tr trình bày: Nguồn gốc đất trước đây của cha ông là Võ Văn S và mẹ ông là Lê Thị G khai phá từ năm 1977, đến năm 1983 mẹ ông chết; năm 1985 cha ông bỏ đi lấy vợ và sống nơi khác, vài năm gần đây cha ông đã trở về và chết năm 2016. Khi cha ông bỏ đi, ông là con trai lớn trong gia đình nên quản lý phần đất này để làm nuôi 03 người em. Đến năm 2001, ông cưới vợ cho anh Đ và cắt cho anh Đ phần đất 08 công lớn đúng như anh Đ trình bày, nhưng ông cho rằng việc cho tặng không có làm giấy tờ gì cả. Quá trình sử dụng, ông đã kê khai, đăng ký và được Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông và bà M nhưng ông không nhớ rõ ngày tháng năm cấp, diện tích được cấp là bao nhiêu. Phần đất ông cắt cho anh Đ chưa giáp ranh đất với người khác nên ông có kêu anh Đ sang luôn phần còn lại nhưng anh Đ chần chừ không chịu sang nên ông mới kêu người khác sang. Từ đó, vợ anh Đ là chị Lương Kim N đã ngăn cản dẫn đến xô sát với nhau giữa ông, con trai ông với chị N. Trong quá trình xô sát, chị N có giật mất sợi dây chuyền 07 chỉ vàng 18K của con trai ông mà không chịu bồi thường. Vì vậy, ông tức giận không đồng ý tách quyền sử dụng đất cho vợ, chồng anh Đ. Hiện ông đồng ý cho anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất 08 công nhưng ông không đồng ý tách sổ, nếu vợ, chồng anh Đ thống nhất bồi thường 07 chỉ vàng 18K cho con ông thì ông đồng ý tách quyền sử dụng đất cho vợ, chồng anh Đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Lương Kim N thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của anh Đ. Bà Đặng Thị Tuyết M thống nhất với lời trình bày và đề nghị của ông Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Văn Đ chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Văn Tr và bà Đặng Thị Tuyết M tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và thực hiện hành vi tách quyền sử dụng 08 công đất đối với phần đất tọa lạc tại khóm 5, phường Tân Xuyên, thành phố P cho vợ, chồng anh. Do đó, về tư cách tham gia tố tụng thì anh Đ là nguyên đơn, ông Tr là bị đơn trong vụ án đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với chị Lương Kim N (vợ anh Đ) và bà Đặng Thị Tuyết M (vợ ông Tr), mặc dù họ không khởi kiện, không bị kiện nhưng chị N cùng anh Đ có căn nhà nằm trên phần đất được tặng cho, cùng quản lý và sử dụng đối với phần đất này; còn bà M cùng ông Tr đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc giải quyết vụ án dân sự này có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên Tòa án đưa chị N, bà M vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời loại việc các bên tranh chấp là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 3, khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Phần đất của các đương sự tranh chấp thuộc một phần các thửa đất số 271, 291, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khóm 5, phường Tân Xuyên, thành phố P, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00595 do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 06/10/2017 và số: CS 00462 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 18/8/2017. Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/3/2018 và sơ đồ bản vẽ ngày 20/3/2018 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thể hiện phần đất các bên tranh chấp có kích thước chiều ngang mặt trước, giáp kênh Lung Lá là 27,23m (ký hiệu M1-M4); chiều ngang mặt sau giáp phần đất ông Tr chuyển nhượng cho ông Trương Văn C là 27,35m (ký hiệu M2-M3); chiều dài cạnh hướng Đông giáp phần đất còn lại của ông Tr là 381,04m (ký hiệu M1-M2); chiều dài cạnh hướng Tây giáp phần đất còn lại của ông Tr là 378,24m (ký hiệu M3-M4), tổng diện tích 10.321m².

[3] Xét về nguồn gốc đất, thì toàn bộ phần đất ông Tr kê khai, đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay các đương sự đều xác định của ông Võ Văn S và bà Lê Thị G khai phá từ năm 1977. Sau khi bà G chết, ông S bỏ đi sinh sống với người khác thì ông Tr tiếp tục quản lý, sử dụng và kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Đ không đặt ra yêu cầu xem xét thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho ông Tr có hợp pháp hay không, đồng thời cũng không đặt ra yêu cầu phân chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất mà anh chỉ yêu cầu ông Tr tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho phần đất 08 công lớn do anh canh tác hiện nay và thực hiện thủ tục tách quyền sử dụng đất cho anh.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng: Phần đất 08 công lớn nằm trong các thửa đất số 271, 291, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khóm 5, phường Tân Xuyên, thành phố P được ông Tr cắt ra cho anh Đ quản lý sử dụng từ năm 2001 đến nay là 17 năm, không tranh chấp. Mặc dù ông Tr không thừa nhận có viết giấy tặng cho đất anh Đ và cũng không yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Tr thừa nhận có cho anh Đ phần đất nêu trên và hiện nay vẫn tiếp tục cho anh Đ quản lý, sử dụng nhưng ông không làm thủ tục tách quyền sử dụng do có mâu thuẫn với vợ anh Đ trong việc xô sát làm mất vàng của con ông. Nếu vợ, chồng anh Đ chấp nhận bồi thường 07 chỉ vàng 18K thì ông sẽ đồng ý tách quyền sử dụng cho anh Đ. Như vậy, xét thấy việc tặng cho quyền sử dụng đất là có diễn ra trên thực tế, được các bên thừa nhận nên không cần thiết phải chứng minh. Qua kiểm tra, đo đạc thực tế trên thực địa của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thì diện tích đất hiện anh Đ quản lý, sử dụng là 10.321m², bị thiếu 47m² mới đủ 08 công lớn nhưng anh Đ chấp nhận theo diện tích thực tế này.

[5] Xét thấy việc tặng cho quyền sử dụng đất vào thời điểm năm 2001 thì Luật đất đai năm 1993 và Bộ luật dân sự 1995 chưa quy định việc tặng cho quyền sử dụng đất cũng như trình tự, thủ tục tặng cho như thế nào. Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 1995 về tặng cho bất động sản thì *“Tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có chứng nhận của Công chứng nhà nước hoặc có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền và phải đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nếu theo quy định của pháp luật bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu”*.

Theo tinh thần Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình tại điểm b.3 tiểu mục 2.3 mục 2 phần II về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập từ sau ngày 15/10/1993: Điều kiện để công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

b.3) Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vi phạm điều kiện được hướng dẫn tại điểm a.4 và điểm a.6 tiểu mục 2.3 mục 2 này, nếu sau khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng đã trồng cây lâu năm, đã làm nhà kiên cố... và bên chuyển nhượng không phản đối và cũng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo các quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thì Tòa án công nhận hợp đồng.

Theo tinh thần hướng dẫn trên, mặc dù đây là hướng dẫn cho thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng do thời điểm này pháp luật chưa quy định cụ thể trình tự, thủ tục tặng cho đất và đây cũng là loại hợp đồng dân sự nên có thể áp dụng tương tự. Cho nên, sau khi thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, bên nhận tặng cho đã trồng cây lâu năm, đã cất nhà ở ổn định và gìn giữ, bồi đắp, cải tạo phần đất nuôi trồng thủy sản để nuôi sống và sinh hoạt gia đình đã 17 năm

nay và bên tặng cho không phản đối và cũng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc ông Tr và bà M tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và thực hiện thủ tục đăng ký tách quyền sử dụng đất cho anh Đ và chị N là có cơ sở.

[6] Đối với số vàng 07 chỉ vàng 18K ông Tr và bà M yêu cầu anh Đ và chị N phải bồi thường. Thấy rằng, quá trình xảy ra xô sát, các bên có trình báo cơ quan chức năng lập biên bản giải quyết, đồng thời trước đây ông Tr, bà M cũng đã làm đơn khởi kiện nhưng sau đó rút lại. Xét thấy, đây là vụ tranh chấp khác, không liên quan đến việc giải quyết trong vụ án này nên không đề cập xem xét. Nếu có căn cứ thì ông Tr, bà M có quyền khởi kiện thành vụ án riêng là phù hợp.

[7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Nguồn gốc đất xuất phát từ việc ông S, bà G khai phá năm 1977, sau đó ông Tr là người trực tiếp quản lý, sử dụng và kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất với diện tích hơn 30 nghìn mét vuông. Năm 1983 bà G chết, năm 2016 ông S chết không để lại di chúc nên khối di sản này thuộc quyền thừa kế chung của các anh, chị, em ông Tr. Khi ông Tr cho đất anh Đ thì các chị, em ông Tr đều biết nhưng không ai có ý kiến gì nên xem như đã thống nhất. Hơn nữa, anh Đ quản lý, sử dụng phần đất được cho đã 18 năm nay, không có tranh chấp, đồng thời ông Tr, bà M cũng thừa nhận đã cho đất anh Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

Như đã phân tích và nhận định tại mục [3] và mục [5], quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đ không đặt ra yêu cầu xem xét thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho ông Tr có hợp pháp hay không, đồng thời cũng không đặt ra yêu cầu phân chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất mà anh chỉ yêu cầu ông Tr tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho phần đất 08 công lớn do anh canh tác hiện nay và thực hiện thủ tục tách quyền sử dụng đất cho anh, đồng thời sau khi nhận tặng cho quyền sử dụng đất, bên nhận tặng cho đã trồng cây lâu năm, đã cất nhà ở ổn định và gìn giữ, bồi đắp, cải tạo phần đất nuôi trồng thủy sản để nuôi sống và sinh hoạt gia đình đã 17 năm nay và bên tặng cho không phản đối và cũng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, người bảo vệ quyền và lợi ích của anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ là có căn cứ.

[8] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát thấy rằng việc tặng cho đất có diễn ra trên thực tế và được ông Tr, bà M thừa nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[9] Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ lẽ ra ông Tr, bà M có nghĩa vụ phải chịu toàn bộ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên,

việc xem xét, thẩm định, đo đạc nhằm xác định vị trí, kích thước, diện tích cụ thể để làm cơ sở tách quyền sử dụng cho anh Đ và việc đo đạc cũng chỉ đo riêng phần đất anh Đ quản lý, sử dụng nên anh phải chịu chi phí này là phù hợp. Căn cứ hợp đồng dịch vụ trích đo lập bản vẽ hiện trạng thửa đất và hóa đơn thu tiền của Trung tâm kỹ thuật - công nghệ - quan trắc tài nguyên và môi trường thể hiện số tiền 9.185.000đ, phần này anh Đ đã thanh toán xong với cơ quan thực hiện đo đạc nên không đặt ra xem xét.

[10] Do phải thực hiện nghĩa vụ giao đất cho anh Đ, chị N và thực hiện thủ tục tách quyền sử dụng nên ông Tr, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Quan hệ pháp luật các đương sự tranh chấp là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, chỉ xem xét việc thực hiện hợp đồng và hành vi tách quyền sử dụng đất, không xác định giá trị tranh chấp nên buộc ông Tr và bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là có cơ sở. Anh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí nên được hoàn lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 31 của Luật đất đai 1993;
- Căn cứ Điều 463 của Bộ luật dân sự 1995;
- Căn cứ Điều 147; Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn Đ – buộc ông Võ Văn Tr và bà Đặng Thị Tuyết M tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và thực hiện thủ tục đăng ký tách quyền sử dụng đất cho anh Võ Văn Đ và chị Lương Kim N đối với phần đất diện tích 10.321m², có kích thước chiều ngang mặt trước, giáp kênh Lung Lá là 27,23m (ký hiệu M1-M4); chiều ngang mặt sau giáp phần đất ông Tr chuyển nhượng cho ông Trương Văn C là 27,35m (ký hiệu M2-M3); chiều dài cạnh hướng Đông giáp phần đất còn lại của ông Tr là 381,04m (ký hiệu M1-M2); chiều dài cạnh hướng Tây giáp phần đất còn lại của ông Tr là 378,24m (ký hiệu M3-M4) thuộc các thửa đất số 271, 291, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khóm 5, phường Tân Xuyên, thành phố P, tỉnh C, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00595 do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 06/10/2017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS 00462 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 18/8/2017 (theo bản trích đo hiện trạng ngày 20/3/2018 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau).

Trường hợp ông Tr, bà M không thực hiện thủ tục đăng ký tách quyền sử dụng đất cho anh Đ và chị N thì anh Đ và chị N được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp

luật đất đai. Chi phí cho việc đăng ký, tách quyền sử dụng đất do anh Đ và chị N phải chịu.

2. Án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch: Buộc ông Tr và bà M phải chịu 300.000đ (chưa nộp). Anh Đ không phải chịu án phí, ngày 27 tháng 12 năm 2017, anh Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 156 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Đ, ông Tr, bà M, chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Thi hành án Tp.Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ,
- Lưu: Văn phòng.

Hứa Minh Hải